TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2023/HS-ST
Ngày: 21-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quang Nhuận.

Bà Đỗ Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: bà Vi Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 71/2023/QĐ-TA, ngày 09/3/2023 và số 81/2023/QĐ-TA, ngày 21/3/2023 đối với bị cáo:

Vì Văn B, tên gọi khác: không; Sinh ngày 29/5/1967 tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Công chức; Chức vụ: Phó Chủ tịch; Đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã T, bị bãi nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã T ngày 20/11/2022 theo Quyết định số 3682/QĐ-UBND, ngày 18/11/2022 của UBND huyện Đ; Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị khai trừ đảng ngày 28/10/2022 theo Quyết định số 2297-QĐ/HU, ngày 28/10/2022 của Đảng ủy xã T, huyện Đ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vì Văn M, sinh năm 1938 (đã chết); con bà Vì Thị I, sinh năm 1940 (đã chết); có vợ là Vì Thị D, sinh năm 1967 và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2022, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(1) Ông Lường Văn T; sinh năm 1968; địa chỉ: bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

(2) Bà Hà Bích N; sinh năm 1968; địa chỉ: thôn Hưng T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(3) Ông Vũ Đình X; sinh năm: 1960; địa chỉ: thôn Thanh H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(4) Ông Nguyễn Cầm T; sinh năm 1971; địa chỉ: bản Hoong L, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(5) Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1967; địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, văng có lý do mặt tại phiên tòa.

(6) Ông Nguyễn Tiến Nh; sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Mỹ Hưng, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(7) Ông Phạm Văn C; sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Hưng T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(8) Ông Lò Văn T; sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Thanh H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(9) Ông Vì Văn Đ; sinh năm 1972; địa chỉ: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

(10) Ông Phạm Khắc T; sinh năm 1988; địa chỉ: Đội 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(11) Ông Lò Văn T; sinh năm 1990; địa chỉ: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

(12) Ông Lê Anh T; sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 70b, tổ dân phố 01, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

(13) Ông Lò Văn Đ; sinh năm 1984; địa chỉ: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

(14) Ông Cà Văn L; sinh năm 1970; địa chỉ: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

(15) Ông Hoàng Quốc Việt; sinh năm 1971; địa chỉ: bản C, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

(16) Ông Trần Văn Gi; sinh năm 1976; địa chỉ: thôn B, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

(17) Ông Điêu Văn N, sinh năm 1988, địa chỉ: bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(18) Bà Đặng Hương Gi, sinh năm: 1992; địa chỉ: số nhà 10, tổ dân phố 08, phường N, thành phố P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

(19) Ông Quàng Văn M, sinh năm: 1969; địa chỉ: bản Na Khếnh, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự:

Ủy ban nhân dân xã T; địa chỉ: bản Bó B, xã T, huyện Đ. Người đại diện

theo pháp luật: ông Lường Văn T; sinh năm 1968; Chức vụ: Chủ tịch, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quyết định số 2187/QĐ-UBND, ngày 22/8/2018 của UBND huyện Đ giao cho UBND xã T làm chủ đầu tư thực hiện Phương án dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ.

Ngày 06/9/2018, UBND huyện Đ ban hành Kế hoạch số 1437/KH-UBND về thực hiện thí điểm dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp tại xã T, Thanh Yên, trong đó có giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban thuộc huyện như phòng Tài nguyên & Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và UBND các xã đồng thời ban hành Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND huyện về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Đ, có quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ theo Quyết định số 2485/QĐ-BCĐ ngày 19/9/2018.

Ngày 27/9/2018, Ban thường vụ Huyện ủy Điện Biên ban hành Thông báo số 784-TB/HU thống nhất đồng ý chủ trương thực hiện dồn điền đổi thửa và ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện thí điểm tại xã T theo cơ chế nhà nước và nhân dân cùng làm và giao UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp UBND các xã xây dựng dự toán chi tiết, tổ chức thực hiện và cấp kinh phí hỗ trợ kịp thời theo đúng quy định. Ngày 22/10/2018,UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2715/QĐ-UBND về việc ban hành tạm thời chính sách hỗ trợ thực hiện dồn điền, đổi thửa xã T, Thanh Yên huyện Đ. Cụ thể:

+ Kinh phí xây dựng đường giao thông: Nhà nước hỗ trợ 90%, nhân dân đóng góp 10% bằng ngày công lao động;

+ Kinh phí xây dựng hệ thống thủy lợi, cấp đổi GCNQSDĐ và thực hiện chỉnh trang, cải tạo đất: Nhà nước hỗ trợ 100%.

Ngày 26/10/2018, UBND huyện Đ ban hành Hướng dẫn số 1754a/HD-UBND về xây dựng và tổ chức thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Đ.

Căn cứ kế hoạch và các quyết định của UBND huyện Đ, ngày 18/9/2018, UBND xã T ban hành Kế hoạch số 42/KH-UBND về thực hiện thí điểm dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp tại xã T năm 2018.

Phương án dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ được UBND huyện Đ phê duyệt tại Quyết định số 2925a/QĐ-UBND ngày 01/11/2018; điều chỉnh, bổ sung tại các Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 và số 2055/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 với các nội dung chủ yếu như sau:

* Cơ quan chủ đầu tư: UBND xã T;

* Thời gian thực hiện: Từ năm 2018 đến năm 2020;

* Địa điểm: Đội 1, 5 ,6, 16, 19 – xã T;

* Nội dung thực hiện phương án gồm:

(1) Thực hiện dồn điền, đổi thửa của 241 hộ thuộc các Đội 1, 5, 6, 16, 19 và các hộ xen kẽ với tổng diện tích là 412.311m^2

(2) Quy hoạch hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng

* Đường giao thông nội đồng: Kết cấu là đường đất, xây dựng mới chiều rộng mặt đường B = 4m, tổng chiều dài L = 4.664,0m (14 tuyến).

* Kênh mương: Đầu tư làm mới tuyến kênh đất thủy lợi nội đồng có mặt cắt (bxh)=(30x30) cm; tổng chiều dài 5.980m (15 tuyến).

(3) Thực hiện cải tạo, chỉnh trang đồng ruộng 38ha.

* Tổng kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí ban đầu được phê duyệt là **3.034.330.000** đồng, trong đó: Ngân sách nhà nước: 2.858.991.968 đồng (nguồn vốn hỗ trợ đất trồng lúa và các nguồn vốn khác theo chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm của UBND huyện); Kinh phí do nhân dân đóng góp: 175.338.032 đồng. Sau 02 lần điều chỉnh, bổ sung, tổng kinh phí được duyệt là **2.930.140.754 đồng** (100% từ ngân sách nhà nước). Đến nay, phương án đã được quyết toán với tổng số tiền **2.684.553.146** đồng, gồm:

- Hạng mục chỉnh trang, cải tạo đồng ruộng: 155.396.000 đồng.

- Hạng mục xây dựng cống và tấm nắp qua kênh: 101.175.000 đồng.

- Hạng mục tư vấn thẩm tra dự toán khảo sát, lập phương án dồn điền, đổi thửa: 2.200.000 đồng.

- Hạng mục khảo sát, lập phương án dồn điền, đổi thửa: 353.474.000đ;

- Hạng mục đo đạc chia đất, lập bản đồ địa chính phục vụ phương án dồn điền, đổi thửa: 355.260.000 đồng.

- Hạng mục cấp chuyển, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dồn điền, đổi thửa: 110.828.146 đồng.

- Hạng mục đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng: 1.606.220.000 đồng.

Việc triển khai thực hiện phương án dồn điền đổi thửa được Ủy ban nhân dân xã T thực hiện như sau:

Căn cứ chủ trương của Huyện ủy và phương án dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T đã được UBND huyện phê duyệt, UBND xã T thành lập Ban chỉ đạo thực hiện dồn điền đổi thửa, trong đó ông Nguyễn Ngọc N – Chủ tịch UBND xã là Trưởng ban, ông Vì Văn B – Phó Chủ tịch UBND xã là Phó trưởng ban. Tại cuộc họp triển khai việc thực hiện phương án, Ban chỉ đạo đã

phân công ông Vì Văn B trực tiếp chỉ đạo, quản lý, điều hành toàn bộ các hoạt động thi công xây dựng của phương án, giao Phạm Văn C – Trưởng thôn Hưng T (đội 5), Lò Văn T – Trưởng thôn Thanh H (đội 1) và Nguyễn Tiến Nh – Trưởng thôn Mỹ Hưng (đội 6) giám sát, theo dõi, ghi chép, chấm công máy móc, người và phương tiện tham gia để làm căn cứ thanh toán. Theo nhiệm vụ được phân công, bị cáo Vì Văn B đã trực tiếp thuê, thỏa thuận giá cả với những người lái xe ô tô chở đất, máy xúc, máy lu, nhân công để thi công xây dựng.

Từ ngày 08/11/2018 đến tháng 01/2019, UBND xã T tổ chức triển khai thực hiện hạng mục Xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng. Sau khi thi công xong, bị cáo Vì Văn B đã mượn sổ ghi chép của 03 giám sát và yêu cầu các lái xe chở đất, lái máy xúc cung cấp số liệu đã thực hiện để đối chiếu, tổng hợp. Quá trình tổng hợp số liệu làm hồ sơ thanh toán, bị cáo Vì Văn B thấy số tiền chi thực tế theo đơn giá thỏa thuận với các cá nhân tham gia thi công ít hơn nhiều so với định mức hỗ trợ của huyện giao nên bị cáo B nảy sinh ý định lập khống, ghi tăng số lượng xe, số giờ máy xúc, máy lu để thanh toán cho hết kinh phí huyện giao nhằm mục đích chiếm đoạt. Để thanh toán tiền công cho những người tham gia, UBND xã T đã đề nghị và được Kho bạc Nhà nước huyện Đ cho tạm ứng 400.000.000 đồng; số tiền này sau khi rút về được giao cho bị cáo Vì Văn B để chi trả cho các nội dung đã thực hiện. Bị cáo Vì Văn B đã chi trả cho lái xe, chủ máy xúc, nhân công san gạt, mua cống bi với tổng số tiền 257.800.000 đồng, còn lại số tiền 142.200.000 đồng, bị cáo B chiếm đoạt, sử dụng cho mục đích cá nhân.

Đến ngày 30/4/2019, ông Nguyễn Ngọc N - Chủ tịch UBND xã T có Quyết định nghỉ hưu nên đã bàn giao ngân sách xã cho bị cáo Vì Văn B. Ngày 11/6/2019, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND giao cho bà Hà Bích N - Phó Chủ tịch UBND quản lý, điều hành UBND xã từ ngày 06/6/2019, bà Nhung chưa nhận bàn giao ngân sách từ bị cáo B. Bị cáo Vì Văn B được phân công chịu trách nhiệm toàn bộ và trực tiếp chỉ đạo xây dựng hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng thuộc phương án đã được thi công trước đó nên bị cáo Vì Văn B đã làm hồ sơ thanh toán dưới hình thức lập chứng từ chi trả cho từng cá nhân thực hiện trong đó đã nâng khống số người tham gia, số lượng xe, số giờ máy xúc, máy lu nhưng không được kho bạc huyện Đ thanh toán do hồ sơ không đúng trình tự theo quy định. Sau đó, bị cáo Vì Văn B đã nhờ ông Lò Văn Dương – Phó trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Đ hướng dẫn để làm thủ tục thanh toán. Theo hướng dẫn của ông Dương và văn bản hướng dẫn của UBND huyện, bị cáo Vì Văn B đã nhờ Vì Văn Đ (em trai ruột của Biến) là lái xe chở đất tham gia thi công hạng mục đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng đứng tên đại diện tổ nhóm thợ ký hợp đồng với UBND xã để lập hồ sơ thanh toán. Khi trình bà Hà Bích N ký hồ sơ thanh toán, bị cáo B báo cáo trước đó đã làm hồ sơ dưới hình thức chi trả cho từng cá nhân tham gia thực hiện nhưng không được Kho bạc huyện chấp nhận vì không đúng trình tự thủ tục theo quy định. Do đó, bị cáo B đã lập hồ sơ thanh toán cho tổ nhóm thợ Vì Văn Đ để phù hợp với hướng dẫn và mức khoán hỗ trợ của UBND huyện, sau khi rút được tiền

sẽ chi trả cho từng cá nhân tham gia, bà Nhung đồng ý ký các tài liệu trong hồ sơ thanh toán do bị cáo B trình. Ngoài ra, bị cáo B còn nhờ ông Quàng Văn M - Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã T và bà Đặng Hương Gi – Công chức địa chính xã T ký một số tài liệu trong hồ sơ thanh toán để đảm bảo thành phần theo hướng dẫn. Sau đó, bà Hà Bích N đã báo cáo và thống nhất với ông Lường Văn T - Bí thư Đảng ủy xã T chỉ đạo ông Vũ Đình X - kế toán, ông Nguyễn Văn M - thủ quỹ đi cùng Vì Văn Đ rút tiền, số tiền sau khi rút được giao cho thủ quỹ Mùi để chi trả cho những cá nhân tham gia. Ngày 21/01/2020, Kho bạc huyện Đ thanh toán số tiền 1.206.220.000 đồng (đã trừ 400.000.000 đồng tạm ứng) của hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng theo Giấy rút dự toán ngân sách số PRT0186 cho Vì Văn Đ; sau khi nhận tiền, ông Điện đã giao lại toàn bộ cho ông Mùi. Để che dấu mục đích chiếm đoạt tiền, bị cáo B đã tự mình tổng hợp, nâng khống số liệu chi trả và nhờ ông Vũ Đình X - kế toán đánh máy thành 03 danh sách ghi ngày 22/01/2020 với tổng số tiền 980.920.000 đồng gồm: (01) Danh sách cấp tiền cho các chủ máy xúc làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ; (2) Danh sách cấp kinh phí nhân công san gạt đất, làm đường và mương dồn điền đổi thửa xã T; (3) Danh sách cấp tiền cho các chủ xe chở đất làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ rồi chuyển cho bà Hà Bích N ký vào mục đại diện UBND xã. Trong đó, bị cáo B đã ghi tăng 450 chuyến của 04 lái xe gồm ông Trần Văn Gi, ông Cà Văn L, ông Lò Văn Đ, ông Vì Văn Đ với tổng số tiền 64.000.000 đồng; Nâng khống 42 chuyến xe và đơn giá thanh toán của lái xe ông Hoàng Quốc Việt với tổng số tiền 18.410.000 đồng; Lập danh sách 02 lái xe chở đất ông Lò Chung Thành, ông Lò Văn T ghi khống 518 chuyến với tổng số tiền 93.240.000 đồng và 02 lái máy xúc ông Lò Văn Thủy, ông Lò Văn Đỉnh ghi khống 766 giờ với tổng số tiền 306.400.000 đồng. Sau đó, chuyển cho ông Nguyễn Văn M – Thủ quỹ chi trả trực tiếp cho các cá nhân có tên trong danh sách tại trụ sở UBND xã T. Đối với những người bị cáo Vì Văn B lập khống và ghi tăng, bị cáo B đã nhờ người đến UBND xã nhận tiền, ký vào danh sách khi ông Mùi chi trả sau đó đưa toàn bộ lại số tiền đã nhận cho bị cáo B (bị cáo không nhớ những người này là ai) hoặc gọi đến nhận tiền trực tiếp nhưng lấy lý do trả nhầm, trừ tiền đã tạm ứng để lấy lại tiền chênh lệch. Sau khi chi trả toàn bộ số tiền theo danh sách bị cáo B lập, số tiền còn lại 225.300.000 đồng ông Mùi giữ tại quỹ của cơ quan. Vào dịp trước tết Nguyên Đán 2020, ông Lường Văn T - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã T, ông Nguyễn Văn M - Thủ quỹ đã cho 06 lãnh đạo cán bộ xã tạm ứng chi phí Quản lý dự án từ nguồn tiền mà Mùi đang giữ với tổng số tiền 71.000.000 đồng, gồm: ông Lường Văn T, bà Hà Bích N, bị cáo Vì Văn B, ông Nguyễn Cầm T, ông Vũ Đình X mỗi người 10.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn M 5.000.000 đồng. Bị cáo Vì Văn B tạm ứng 16.000.000 đồng để chi cho 08 người là cán bộ xã T, trưởng thôn tham gia giám sát nhưng trên thực tế bị cáo B chỉ chi 7.500.000 đồng cho ông Quàng Văn M – Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã 2.500.000 đồng, ông Lò Văn Ngôn – Phó Chủ tịch HĐND xã 2.500.000 đồng; ông Vũ Huy Thơi – Nguyên Phó bí thư Đảng ủy xã 500.000 đồng; ông Điêu Văn N – Công chức văn phòng xã 2.000.000 đồng còn lại 8.500.000 đồng bị cáo B không chi mà chiếm đoạt, sử

dụng cho cá nhân. Ông Vũ Đình X tạm ứng 4.000.000 đồng từ nguồn tiền mà ông Mùi đang giữ. Trong năm 2020, bị cáo B tiếp tục tạm ứng số tiền 70.000.000 đồng để chi trả cho những người tham gia nhưng thực tế chi hỗ trợ cho những cá nhân, hộ gia đình tham gia dồn điền đổi thửa 15.350.000 đồng, còn lại bị cáo B chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Tháng 01/2022, để hợp thức hóa số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo Vì Văn B lập thêm 02 danh sách ghi ngày 02/02/2019 gồm: "Danh sách cấp tiền cho các xe chở đất làm đường khu ruộng dồn điền đổi thửa xã T năm 2019" và "Danh sách cấp tiền cho máy xúc, máy lu làm đường khu dồn điền đổi thửa xã T năm 2019" cân đối để thể hiện đã chi hết số tiền 1.606.220.000 đồng. Trong đó, Biến tự ghi tên của 05 lái xe chở đất gồm ông Vũ Văn Hiển, ông Lò Văn Đỉnh, ông Lò Văn Chung, ông Lò Văn Thương, ông Tòng Văn Sơn lập khống 1.268 chuyến = 228.240.000 đồng; 01 lái máy xúc ông Nguyễn Văn Hường lập khống 165,15 giờ = 65.660.000 đồng; Ghi tăng 103,45 giờ = 41.380.000 đồng của lái máy xúc ông Lê Anh T và 10 ngày = 45.000.000 đồng của máy lu ông Phạm Văn Bĩ (máy lu do Nguyễn Mạnh Cường thuê của Nguyễn Văn Vỹ rồi cho UBND xã thuê lại). Sau khi được bị cáo B đưa 02 danh sách trên, ông Nguyễn Văn M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Tháng 6/2022, bị cáo B gặp ông Tọ và ông Mùi đề nghị được tạm ứng số tiền chưa chi trả của hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng để nộp khắc phục hậu quả. Sau khi được ông Mùi báo cáo số tiền còn lại đang giữ là hơn 80.000.000 đồng, ông Lường Văn T đã chỉ đạo cho bị cáo B tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng. Trước khi giao tiền, ông Mùi yêu cầu bị cáo B phải viết một giấy đề nghị tạm ứng số tiền này. Tuy nhiên, bị cáo B đề nghị viết giấy tạm ứng ghi số tiền 225.300.000 đồng để ứng số tiền còn lại Mùi đang giữ; thay thế cho các lần ứng tiền trước đó và bị cáo B sẽ có trách nhiệm giải trình việc sử dụng số tiền trên với Cơ quan điều tra. Theo yêu cầu của bị cáo B, ông Mùi đã đưa cho bị cáo B 50.000.000 đồng còn lại số tiền 30.300.000 ông Mùi tiếp tục giữ khi nào bị cáo B yêu cầu sẽ đưa sau. Đến ngày 14/8/2022, sau khi Vì Văn B bị khởi tố và bắt tạm giam, ông Nguyễn Văn M đã giao nộp toàn bộ số tiền 30.300.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Như vậy, bị cáo Vì Văn B đã lập khống trong 04 chứng từ gồm:

- Danh sách cấp tiền cho các chủ xe chở đất làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ đề ngày 22/01/2020. Số tiền lập khống: **175.650.000 đồng.**

- Danh sách cấp tiền cho các chủ xe máy xúc làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ đề ngày 22/01/2020. Số tiền lập khống: **306.400.000 đồng.**

- Danh sách cấp tiền cho máy xúc, máy lu làm đường khu dồn điền đổi thửa xã T năm 2019 đền ngày 02/02/2019. Số tiền lập khống: **152.040.000 đồng.**

- Danh sách cấp tiền cho các xe chở đất làm đường khu ruộng dồn điền đổi thửa xã T năm 2019 đề ngày 02/02/2019. Số tiền lập khống: **228.240.000**

đồng.

Tổng số tiền lập khống là **862.330.000** đồng. Trong đó:

- Vì Văn B chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân là **698.480.000** đồng.

- Vì Văn B tạm ứng **60.000.000** đồng gồm: 10.000.000 đồng tạm ứng tiền chi phí quản lý dự án và 50.000.000 đồng tạm ứng khắc phục hậu quả.

- Tạm ứng, hỗ trợ cho các cá nhân khác: **73.550.000** đồng;

- Thủ quỹ Mùi giữ **30.300.000** đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành Trưng cầu giám định phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên giám định kỹ thuật số điện tử đối với điện thoại di động, case máy tính thu giữ của bị can và những người liên quan; giám định chữ viết của những lái xe chở đất, lái máy xúc, máy lu bị can Biến ghi tăng, lập khống. Kết quả như sau:

- Tại Kết luận giám định số 886/KL-KTHS, ngày 27/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên thể hiện: Chữ viết "Thủy" tại phần "Ký nhận" trên "danh sách cấp tiền cho máy xúc, máy lu làm đường khu dồn điền đổi thửa xã T năm 2019 đề ngày 02/02/2019 với chữ viết đứng tên Lê Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng một người viết ra.

- Tại Kết luận số 955/KL-KTHS, ngày 05/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ viết "Hường" tại "Ký nhận" trên tài liệu "Danh sách cấp tiền cho các xe chở đất làm đường khu ruộng dồn điền đổi thửa xã T năm 2019" đề ngày 02/02/2019 gửi giám định với chữ viết đứng tên Vì Văn B trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1-M5 có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Tại Kết luận số 1090/KL-KTHS, ngày 28/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận (BL 1477): Không đủ cơ sở kết luận các chữ viết tại cột "Ký nhận" trên tài liệu "Danh sách cấp tiền cho các xe chở đất làm đường khu ruộng dồn điền đổi thửa xã T năm 2019" và "Danh sách cấp tiền cho máy xúc, máy lu làm đường khu dồn điền đổi thửa xã T" cùng đề ngày 02/02/2019 gửi giám định với chữ viết đứng tên Vì Văn B trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người viết ra hay không.

Chữ viết tại cột "Ký nhận" đứng tên Trần Văn Gi trên tài liệu "Danh sách cấp tiền cho các chủ xe chở đất làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ" đề ngày 22 tháng 01 năm 2020 với chữ viết đứng tên Trần Văn Gi trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M4, M5 là do cùng một người viết ra.

Chữ viết tại cột "Ký nhận" đứng tên Lò Văn Luyến trên tài liệu "Danh sách cấp tiền cho các chủ xe chở đất làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ" đề ngày 22 tháng 01 năm 2020 với chữ viết đứng tên Cà Văn L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải là do cùng một người viết ra.

- Tại Kết luận số 1437/KL-KTHS, ngày 31/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Chữ viết tại cột "Ký nhận" đứng tên Hoàng Quốc Việt trên tài liệu "Danh sách cấp tiền cho các chủ xe chở đất làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ" đề ngày 22 tháng 01 năm 2020 với chữ viết đứng tên Hoàng Quốc Việt trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải là do cùng một người viết ra.

Chữ viết tại cột "Ký nhận" đứng tên Lò Văn Đ trên tài liệu "Danh sách cấp tiền cho các chủ xe chở đất làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ" đề ngày 22 tháng 01 năm 2020 với chữ viết đứng tên Lò Văn Đ trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 không phải là do cùng một người viết ra.

Cáo trạng số 27/CT-VKSĐB-P1 ngày 27/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Vì Văn B về tội *"Tham ô tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Vì Văn B về tội Tham ô tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Vì Văn B phạm tội *"Tham ô tài sản"*; xử phạt bị cáo Vì Văn B từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 862.330.000 đồng; bị cáo, gia đình và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp khắc phục toàn bộ thiệt hại.

Về vật chứng vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau: đề nghị trả lại 01 điện thoại cho bị cáo.

Về án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc N – nguyên Chủ tịch UBND xã T (Từ năm 2010 đến ngày 30/4/2019 nghỉ hưu) trình bày tại cơ quan điều tra: Năm 2018, ông được UBND xã T giao làm Trưởng ban chỉ đạo phương án dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ, ông Ngấn đã giao cho Vì Văn B toàn quyền quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trước UBND xã về mọi hoạt động của phương án. Để kịp thời thanh toán tiền công cho những người tham gia, sau khi Ủy ban nhân dân xã rút được số tiền tạm ứng 400.000.000 đồng, ông Ngấn chỉ

đạo ông Vũ Đình X – Kế toán, ông Nguyễn Văn M – Thủ quỹ cho Vì Văn B tạm ứng toàn bộ số tiền trên để chi trả cho những cá nhân tham gia thi công. Sau khi cho Biến tạm ứng số tiền trên, ông Ngấn thường xuyên yêu cầu Biến báo cáo việc chi trả, tuy nhiên Biến đưa ra nhiều lý do chưa thực hiện, cũng không báo cáo nên ông Ngấn không biết số tiền 400.000.000 đồng cho Biến tạm ứng đã chi trả bao nhiêu, cho ai và còn lại bao nhiêu. Sau khi nghỉ hưu, Ngấn đã bàn giao ngân sách xã cho Vì Văn B trong thời gian chờ kiện toàn được chức danh Chủ tịch UBND xã nên ông Ngấn không biết việc thanh toán, chi trả như thế nào. Bản thân ông Ngấn không chỉ đạo, bàn bạc và không biết việc Vì Văn B lập khống chứng từ để chiếm đoạt tiền Nhà nước, không được hưởng lợi gì từ Biến.

Bà Hà Bích N – Phó bí thư Đảng ủy xã T (Từ 11/6/2019 đến 02/6/2020 là Phó Chủ tịch phụ trách UBND xã T – Chủ tài khoản) trình bày tại cơ quan điều tra: bà Nhung là người ký các tài liệu trong hồ sơ thanh toán của hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng cho tổ nhóm thợ do Vì Văn Đ (lái xe chở đất đã tham gia thi công) làm đại diện. Bà Nhung biết các cá nhân tham gia thi công do Biến trực tiếp liên hệ, thuê làm việc và hạng mục này đã thực hiện xong đầu tháng 01/2019. Theo Biến báo cáo trước đó đã làm hồ sơ thanh toán dưới hình thức chi trả cho từng cá nhân tham gia thực hiện nhưng không được kho bạc chấp nhận do không đúng trình tự theo quy định. Do đó, Biến đã lập hồ sơ thanh toán cho tổ nhóm thợ Vì Văn Đ để phù hợp với hướng dẫn và mức khoán hỗ trợ của UBND huyện, sau khi rút được tiền sẽ chi trả cho từng cá nhân tham gia. Mục đích bà Nhung thống nhất với ông Tọ chỉ đạo Nguyễn Văn M – Thủ quỹ giữ số tiền 1.206.220.000 đồng sau khi được thanh toán là để chi trả cho những cá nhân tham gia. Bà Nhung nhiều lần yêu cầu Biến tổng hợp báo cáo số liệu nhưng Biến đã lấy lý do vẫn đang tiếp tục thanh toán chưa tổng hợp được.

Đối với việc ký xác nhận mục đại diện UBND xã tại 03 danh sách chi trả tiêu đề ngày 20/01/2020 do Vì Văn B tự lập, bà Nhung không biết việc Vì Văn B nâng khống giá trị thanh toán trong 03 danh sách trên nên bà Nhung đã ký xác nhận.

Hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng thuộc phương án dồn điền đổi thửa xã T, là phương án được UBND huyện Đ xác định là phương án thí điểm theo Kế hoạch số 1437/KH-UBND ngày 06/9/2018 của UBND huyện Đ, những cá nhân thực hiện chưa có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn. Quá trình thực hiện thanh toán, bà Hà Bích N không chỉ đạo, bàn bạc, thỏa thuận, không biết việc Vì Văn B lập khống chứng từ chiếm đoạt tiền và không được hưởng lợi gì từ Biến.

Ông Vũ Đình X – Nguyên kế toán UBND xã T (Từ năm 1988 đến tháng 8/2020 nghỉ hưu) trình bày tại cơ quan điều tra: Đối với số tiền 400.000.000 đồng tạm ứng kinh phí dồn điền, đổi thửa: Theo chỉ đạo của ông Nguyễn Ngọc N - Chủ tịch UBND xã, ông X đã chi toàn bộ số tiền này cho Vì Văn B để thanh toán cho các cá nhân tham gia thực hiện phương án. Số tiền trên đã được thu hồi

tạm ứng khi kho bạc thanh toán toàn bộ kinh phí của hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng vào ngày 21/01/2020. Là kế toán, ông X đã ký vào mục Kế toán trong Giấy rút dự toán ngân sách của hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng để rút tiền về chi trả cho các cá nhân tham gia thi công. Ngoài ra, ông X cũng biết số tiền 1.206.220.000 đồng sau khi rút về được giao cho ông Nguyễn Văn M giữ và chi trả tiền công cho những cá nhân tham gia thi công theo chỉ đạo của lãnh đạo xã, không nhằm mục đích chiếm đoạt cá nhân. Quá trình thực hiện, ông X không bàn bạc, thỏa thuận, không biết việc B lập khống chứng từ chiếm đoạt tiền Nhà nước và không được hưởng lợi ích gì từ B.

Ông Nguyễn Văn M – Công chức văn phòng kiêm thủ quỹ UBND xã T (Từ năm 2011 đến nay) trình bày tại cơ quan điều tra: Đối với số tiền 400.000.000 đồng tạm ứng kinh phí dồn điền, đổi thửa, ông M thực hiện theo chỉ đạo của Nguyễn Ngọc N - Chủ tịch UBND xã, ông M đã chi toàn bộ số tiền này cho Vì Văn B để thanh toán cho các cá nhân tham gia thực hiện phương án. Số tiền trên đã được thu hồi tạm ứng khi kho bạc thanh toán toàn bộ kinh phí của hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng vào ngày 21/01/2020. Đối với số tiền 1.206.220.000 đồng thanh toán của hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng, ông M thực hiện theo chỉ đạo của ông Lường Văn T và bà Hà Bích N, ông M đã giữ toàn bộ số tiền để chi trả tiền công cho những cá nhân tham gia thi công hạng mục, không có mục đích chiếm đoạt cá nhân hay giúp Vì Văn B chiếm đoạt tiền.

Đối với 02 danh sách chi tiền ngày 02/02/2019, 02 danh sách này do Vì Văn B tự lập và giao cho ông Mùi, ông Mùi không biết rõ nội dung và không tham gia vào việc lập ra 02 chứng từ trên. Quá trình thực hiện, ông M không bàn bạc, thỏa thuận, không biết việc Vì Văn B lập khống chứng từ chiếm đoạt tiền Nhà nước và không được hưởng lợi ích gì từ B.

Ông Nguyễn Cầm T – Kế toán xã T trình bày tại cơ quan điều tra: ông Tưởng không bàn bạc, thỏa thuận, không biết việc B lập khống chứng từ chiếm đoạt tiền Nhà nước và không được hưởng lợi ích gì từ B.

Ông Điêu Văn N – Công chức văn phòng UBND xã T trình bày tại cơ quan điều tra: ông là cán bộ Văn phòng xã thực hiện theo chỉ đạo của B tiếp nhận, chỉnh sửa các hồ sơ thanh toán do Lò Văn D- Phó trưởng phòng kinh tế hạ tầng huyện Đ gửi đến (qua địa chỉ Gmail). Ông N không trao đổi, bàn bạc, không biết việc B lập khống chứng từ, chiếm đoạt tiền Nhà nước và không được hưởng lợi ích gì từ B.

Ông Quàng Văn M - Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã T và bà **Đặng Hương Gi** – Công chức địa chính xã T trình bày tại cơ quan điều tra: ông Minh và bà Giang được Vì Văn B nhờ ký một số tài liệu trong hồ sơ thanh toán để đảm bảo thành phần theo hướng dẫn của UBND huyện làm thủ tục rút tiền về chi trả cho những cá nhân tham gia. Ông Minh và bà Giang không bàn bạc, thỏa thuận, không biết việc Biến lập khống chứng từ chiếm đoạt tiền Nhà nước và không

được hưởng lợi ích gì từ Biến.

Ông Trần Văn Gi **–** Lái xe chở đất trình bày tại cơ quan điều tra: ông Giang trực tiếp đến UBND xã nhận số tiền 23.760.000 đồng do ông Mùi chi trả và ký xác nhận vào danh sách. Lúc này, ông G có thắc mắc vì sao được trả nhiều tiền như vậy nhưng do đông người nên không ai trả lời do đó đã mang tiền về nhà. Cùng ngày, Vì Văn B đã đến gặp ông đề nghị trả lại số tiền 19.800.000 đồng do nhầm lẫn khi trả tiền nên ông G đã trả lại cho B số tiền trên và chỉ giữ lại 3.960.000 đồng đúng với số chuyến xe mà ông G đã thực hiện. Bản thân ông G không trao đổi, bàn bạc, không biết việc Vì Văn B ghi tăng số liệu của mình trong danh sách để chiếm đoạt số tiền chênh lệch và không được hưởng lợi từ B.

Ông Hoàng Quốc V, Cà Văn L trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; **Lò Văn Đ –** lái xe chở đất và ông **Lê Anh T** – lái máy xúc trình bày tại cơ quan điều tra: các ông đều được Vì Văn B thanh toán tiền công tại nhà riêng, đúng với khối lượng đã thực hiện và không được ký nhận vào danh sách chi trả tiền; không trao đổi, bàn bạc, không biết việc Vì Văn B ghi tăng số liệu của mình trong danh sách để chiếm đoạt số tiền chênh lệch và không được hưởng lợi từ B.

Ông Vì Văn Đ – Lái xe chở đất trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: ông Điện nhận được số tiền công đúng với khối lượng đã thực hiện. Do Vì Văn B là anh trai ruột nên ông Đ ký vào danh sách trả tiền mà không chú ý số lượng chuyến xe, số tiền được ghi trên danh sách nên không biết số liệu đã được Biến ghi tăng. Đối với việc ký các tài liệu trong hồ sơ thanh toán với vai trò là đại diện của tổ nhóm thợ: Vì Văn Đ là lái xe chở đất tham gia thi công hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng nên khi được Vì Văn B nhờ ký hồ sơ thanh toán để Ủy ban nhân dân xã thanh toán rút kinh phí các hạng mục, sau đó sẽ chi trả cho từng cá nhân tham gia thì ông đã đồng ý. Ông Đ không bàn bạc, thống nhất với B để nâng khống số chuyến nhằm chiếm đoạt tiền chênh lệch và không được hưởng lợi từ B.

Ông ***Nguyễn Mạnh C*** – người cho UBND xã thuê máy xúc trình bày tại cơ quan điều tra: ông C là người thuê máy xúc của ông Nguyễn Văn Vỹ sau đó cho UBND xã thuê lại. Ông C được B thanh toán tiền công đúng với khối lượng đã thực hiện và không được ký nhận vào danh sách chi trả tiền; không trao đổi, bàn bạc, không biết việc Vì Văn B ghi tăng số liệu của mình trong danh sách để chiếm đoạt số tiền chênh lệch và không được hưởng lợi từ B.

Đối với các cá nhân tạm ứng tiền chi phí quản lý dự án gồm: ông Lường Văn T, bà Hà Bích N, ông Vũ Đình X, ông Nguyễn Cầm T, ông Nguyễn Văn M đều trình bày tại cơ quan điều tra: Số tiền tạm ứng được Vì Văn B báo cáo là chưa chi trả hết, nên đã tạm ứng để sử dụng khi nào được thanh toán chi phí quản lý dự án sẽ đối trừ sang, không có ý định chiếm đoạt.

Đối với các cá nhân được Vì Văn B đứng ra tạm ứng tiền chi phí quản lý dự án: gồm ông Quàng Văn M, ông Lò Văn Ngôn, ông Vũ Huy Th, ông Điêu Văn N trình bày tại cơ quan điều tra: các ông không trao đổi, bàn bạc, không biết rõ nguồn gốc số tiền được nhận từ B.

Đối với các hộ gia đình, cá nhân được chi trả hỗ trợ thực hiện thí điểm dồn điền đổi thửa gồm: ông Hà Văn T, ông Phạm Đức D, ông Nguyễn Văn L, ông Vì Văn L, ông Vương Minh D, ông Lò Văn T, ông Phạm Văn C, ông Triệu Văn T trình bày tại cơ quan điều tra: các ông không trao đổi, bàn bạc, không biết rõ nguồn gốc số tiền được nhận từ B. Nội dung hỗ trợ không thuộc hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng.

Người đại diện của Nguyên đơn dân sự UBND xã T ông Lường Văn T - Bí thư, Chủ tịch UBND xã T trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: Ông T biết việc bà N ký hợp đồng với Vì Văn Đ và ký hồ sơ đề nghị thanh toán tiền Nhà nước đầu tư cho hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng để rút tiền từ Kho bạc Nhà nước huyện Đ, chi trả cho những cá nhân tham gia thi công. Theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện phương án dồn điền đổi thửa thực hiện thí điểm theo Kế hoạch số 1437/KH-UBND ngày 06/9/2018 của UBND huyện Đ, những cá nhân thực hiện chưa có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn nên ông T đồng ý để bà N thực hiện. Quá trình thực hiện phương án, ông T không bàn bạc, trao đổi, thỏa thuận, không biết việc Vì Văn B lập khống chứng từ và không được hưởng lợi gì từ B. Tổng số tiền Vì Văn B làm thiệt hại cho nhà nước là 862.330.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ và giao lại cho UBND xã T để nộp trả vào ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận lời khai của những người tham gia tố tụng là đúng. Trong phần tranh luận bị cáo, người đại diện của Nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Bích N, ông Vũ Đình X, ông Nguyễn Cầm T, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Tiến Nh, ông Phạm Văn C, ông Lò Văn T, ông Phạm Khắc T, ông Điêu Văn N, ông Quàng Văn M, bà Đặng Hương Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã có đơn xin xét xử vắng mặt; các ông Lê Anh T, ông Trần Văn Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 305 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Bị cáo Vì Văn B được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã T từ tháng 07/2011 tại Quyết định số 1938/QĐ-UBND, ngày 06/7/2011 của UBND huyện Đ V/v phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Ủy viên UBND xã T, nhiệm kỳ 2011-2016 và Quyết định 3587/QĐ-UBND, ngày 11/7/2016 của UBND huyện Đ V/v phê chuẩn kết quả bầu cử chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã T khóa XX, nhiệm kỳ 2016-2021. Theo Quyết định số 66/QĐ-UBND, ngày 21/9/2018 của UBND xã T v/v thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã T bị cáo Vì Văn B được phân công làm Phó Trưởng ban chỉ đạo, chịu toàn bộ trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, điều hành các hạng mục của phương án. Quá trình thực hiện, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, lập khống trong 04 chứng từ gồm: (1) Danh sách cấp tiền cho các chủ xe chở đất làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ đề ngày 22/01/2020 với số tiền lập khống: **175.650.000 đồng.** (2) Danh sách cấp tiền cho các chủ xe máy xúc làm đường, kênh dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ đề ngày 22/01/2020 với số tiền lập khống: **306.400.000 đồng.** (3) Danh sách cấp tiền cho máy xúc, máy lu làm đường khu dồn điền đổi thửa xã T năm 2019 đề ngày 02/02/2019 với số tiền lập khống: **152.040.000 đồng.** (4) Danh sách cấp tiền cho các xe chở đất làm đường khu ruộng dồn điền đổi thửa xã T năm 2019 đề ngày 02/02/2019 với số tiền lập khống: **228.240.000 đồng**. Tổng số tiền lập khống là **862.330.000** đồng. Trong đó, cá nhân bị cáo Vì Văn B chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân là **698.480.000** đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu (BL 06-09); biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu (BL 10-35); biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu (BL 36-54); biên bản làm việc (BL 57-138); hồ sơ thanh toán hạng mục xây dựng đường giao thông, kênh thủy lợi nội đồng thuộc phương án dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp xã T, huyện Đ (BL 370-428); Sổ giám sát của các Trưởng thôn (BL 303-325b; 328-334; 326-354); các kết luận giám định (BL 1466, 1472, 1477, 1500); các danh sách lập khống cấp tiền cho các chủ xe chở đất, chủ máy xúc, lái máy lu, lái máy xúc (BL 08,09,12,14,15); biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Ngọc N (BL 2253-2262), bà Hà Bích N (BL 2279-2289), ông Lường Văn T (BL 2264-2276), ông Vũ Đình X (BL2305-2327), ông Nguyễn Văn M (BL 2329-2355), ông Nguyễn Cầm T (BL 2293-2302), ông Điêu Văn N (BL 2359-2363), ông Quàng Văn M (BL 2378-2381), bà Đặng Hương Gi (BL 2365-2366), ông Trần Văn Gi (BL 2531-2537), ông Hoàng Quốc Việt (BL 2516-2519), ông Cà Văn L (BL 2522-2528), ông Lò Văn Đ (BL 2512-2514), ông Lê Anh T (BL 2502-2509), ông Vì Văn Đ (BL 2433-2440), ông Phạm Văn C (BL 2399-2414), ông Triệu Văn Tân (BL 2731), ông Nguyễn Tiến Nh (BL 2383-2397), ông Lò Văn T (BL 2416-2428); ông Lò Văn Định (BL 2480-2485), ông Lò Văn T (BL 2486-2479) và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, lợi dụng chức vụ, quyền hạn bị cáo Vì Văn B là Phó Chủ tịch UBND xã T, Phó trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã T đã lập khống các chứng từ chiếm đoạt

862.330.000 đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho UBND xã T để thực hiện Phương án dồn điền, đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã T năm 2018; trong đó cá nhân bị cáo B chiếm đoạt và sử dụng cho mục đích cá nhân số tiền **698.480.000** đồng. Hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 27/CT-VKSĐB-P2 ngày 27/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Vì Văn B về tội Tham ô tài sản theo điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình Nhà nước nghiêm cấm. Hành vi của bị cáo Vì Văn B xâm phạm quan hệ sở hữu và hoạt động đúng đắn của UBND xã T trong lĩnh vực quản lý tài sản nói chung và quản lý tài chính, kế toán nói riêng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Bị cáo Vì Văn B sinh ra trong gia đình có thành phần cơ bản; bản thân được gia đình tạo điều kiện học tập văn hóa đến lớp 12/12. Bị cáo đã tốt nghiệp Trường trung cấp Thương nghiệp Thái Nguyên và được tuyển dụng làm cán bộ Công ty cấp 3 Điện Biên từ năm 1986 đến năm 1995; từ năm 1996- 2006 nghỉ chế độ 176 về làm ruộng và sinh sống tại xã T; từ 2006-2011 là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp xã T, huyện Đ; từ tháng 7/2011 đến tháng 10/2022 được bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch UBND xã T; bị bãi nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã T ngày 20/11/2022 theo Quyết định số 3682/QĐ-UBND, ngày 18/11/2022 của UBND huyện Đ. Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị khai trừ đảng từ ngày 28/10/2022 theo Quyết định số 2297-QĐ/HU, ngày 28/10/2022 của Đảng ủy xã T, huyện Đ. Bị cáo chưa có tiền sự; chưa có tiền án; không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo và gia đình đã khắc phục được toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình công tác bị cáo được Ban chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng thưởng Bằng khen năm 2007, nhiều năm được UBND huyện Đ tặng thưởng Giấy khen, được Bộ Tư lệnh Bộ Đội Biên Phòng và Bộ Trưởng Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương về thành tích bảo vệ an ninh biên giới và bảo vệ an ninh tổ quốc; có bố đẻ là ông Vì Văn Mận được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; có bố vợ là ông Vì Văn Mấng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, toàn bộ thiệt hại được bị cáo tự nguyện khắc phục, do đó

áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để vừa giáo dục răn đe bị cáo vừa cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt chính đối với bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, gia đình bị cáo không có tài sản gì giá trị, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vì Văn B là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận; cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo Vì Văn B đảm nhiệm các chức vụ trong thời hạn nhất định để bị cáo không có điều kiện tái phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của BLHS và các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

Liên quan đến việc khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành tạm giữ tiền của bị cáo, người nhà bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

+ Ngày 02/6/2022, tạm giữ của Vì Văn B số tiền 300.000.000 đồng;

+ Ngày 03/8/2022, tạm giữ của Nguyễn Văn M số tiền 35.000.000 đồng;

+ Ngày 12/8/2022, tạm giữ của Vũ Đình X số tiền 10.000.000 đồng;

+ Ngày 13/8/2022, tạm giữ của Nguyễn Cầm T số tiền 10.000.000 đồng;

+ Ngày 14/8/2022, tạm giữ của Nguyễn Văn M số tiền 300.000 đồng;

+ Ngày 16/8/2022, tạm giữ của Hà Bích N số tiền 10.000.000 đồng;

+ Ngày 17/8/2022, tạm giữ của Lường Văn T số tiền 10.000.000 đồng;

+ Ngày 24/8/2022, tạm giữ của Lò Văn Ng số tiền 2.500.000 đồng;

+ Ngày 25/8/2022, tạm giữ của Vũ Huy T số tiền 500.000 đồng; Tạm giữ của Quàng Văn M số tiền 2.500.000 đồng;

+ Ngày 29/8/2022, tạm giữ của Điêu Văn N số tiền 2.000.000 đồng;

+ Ngày 06/02/2023, Vì Thị X nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra số tiền 40.000.000 đồng;

+ Ngày 07/02/2023, Vũ Đình X nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra số tiền 4.000.000 đồng;

+ Ngày 10/02/2023, Vì Văn M nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra số tiền 25.000.000 đồng;

+ Ngày 13/02/2023, Vì Văn M nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra số tiền 20.000.000 đồng; Vì Thị D nộp 25.000.000 đồng; Lò Xuân H nộp

1.700.000 đồng.

+ Ngày 14/02/2023, Vì Văn H nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra số tiền 1.500.000 đồng; Hà Minh T nộp 5.000.000 đồng; Nguyễn Thị L nộp 3.000.000 đồng.

+ Ngày 15/02/2023, Vì Văn M nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra số tiền 288.480.000 đồng.

Tổng số tiền khắc phục hậu quả Cơ quan điều tra tạm giữ là **796.480.000** đồng. Trong đó, bị cáo Vì Văn B và người nhà bị cáo B giao nộp là **698.480.000** đồng, những người có liên quan là **98.000.000** đồng.

Tính đến thời điểm trước khi mở phiên tòa sơ thẩm: tổng số tiền **862.330.000** đồng bị cáo Vì Văn B lập khống để chiếm đoạt trái phép, bị cáo Vì Văn B, gia đình bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp khắc phục toàn bộ, trong đó:

- Bị cáo B và gia đình nộp khắc phục 698.480.000 đồng; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp khắc phục **98.000.000** đồng số tiền này hiện đang trong tài khoản tạm gửi số 3949.0.1011953.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo Ủy nhiệm chi Ký hiệu: C4-02a/NS lập ngày 27/02/2023 và 28/02/2023 Đơn vị trả tiền: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên (BL 2778-2779).

- Đối với số tiền **65.850.000 đồng** bị cáo đã tạm ứng để chi cho cá nhân bị cáo 60.000.000 đồng và chi 5.850.000 đồng cho một số hộ gia đình trái quy định (bao gồm: ông Vì Văn L 1.500.000 đồng, ông Vươn Minh D 1.850.000 đồng, ông Lò Văn T 1.500.000 đồng, ông Phạm Văn C 800.000 đồng, ông Triệu Văn T 200.000 đồng); ngày 20/3/2023 ông Vì Văn M là con trai của bị cáo B đã nộp để khắc phục thiệt hại theo Biên lai thu tiền số 0000208 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo Vì Văn B có quyền yêu cầu những người có tên trên hoàn trả số tiền đã chi sai.

Xét thấy việc khắc phục thiệt hại của bị cáo Vì Văn B, gia đình bị cáo B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo Vì Văn B gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước cấp cho UBND xã T, huyện Đ. Do đó, toàn bộ số tiền bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp khắc phục thiệt hại cần hoàn trả lại cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Các vấn đề khác của vụ án.

- Đối với ông Nguyễn Ngọc N – nguyên Chủ tịch UBND xã T (Từ năm 2010 đến ngày 30/4/2019 nghỉ hưu); Bà Hà Bích N – Phó bí thư Đảng ủy xã T (Từ 11/6/2019 đến 02/6/2020 là Phó Chủ tịch phụ trách UBND xã T – Chủ tài khoản); ông Vũ Đình X – Nguyên kế toán UBND xã T (Từ năm 1988 đến tháng

8/2020 nghỉ hưu); ông Nguyễn Văn M – Công chức văn phòng kiêm thủ quỹ UBND xã T (Từ năm 2011 đến nay); ông Nguyễn Cầm T – Kế toán xã T; ông Điêu Văn N – Công chức văn phòng UBND xã T; ông Quàng Văn M - Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã T và bà Đặng Hương Gi – Công chức địa chính xã T. Các ông, bà có tên trên đều không bàn bạc, thỏa thuận, không biết việc bị cáo Vì Văn B lập khống chứng từ chiếm đoạt tiền Nhà nước và không được hưởng lợi gì từ bị cáo B; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Ông Trần Văn Gi – Lái xe chở đất, ông Hoàng Quốc Việt, ông Cà Văn L, ông Lò Văn Đ – lái xe chở đất và ông Lê Anh T – lái máy xúc, ông Vì Văn Đ – Lái xe chở đất, ông Nguyễn Mạnh C – người cho UBND xã thuê máy xúc, ông Lò Văn T, ông Lò Văn Đ: các ông không được trao đổi, bàn bạc, không biết việc bị cáo Vì Văn B ghi tăng, ghi khống số liệu của mình trong danh sách để chiếm đoạt số tiền chênh lệch và không được hưởng lợi gì từ bị cáo B; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với các cá nhân tạm ứng tiền chi phí quản lý dự án gồm: ôngLường Văn T, bà Hà Bích N, ông Vũ Đình X, ông Nguyễn Cầm T, ông Nguyễn Văn M: quá trình điều tra làm rõ các ông, bà có tên trên chỉ tạm ứng để sử dụng khi nào được thanh toán chi phí quản lý dự án sẽ đối trừ sang, không có mục đính chiếm đoạt. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với các cá nhân được Vì Văn B đứng ra tạm ứng tiền chi phí quản lý dự án gồm: ông Quàng Văn M, ông Lò Văn Ng, ông Vũ Huy Th, ông Điêu Văn N, các cá nhân trên không trao đổi, bàn bạc, không biết rõ nguồn gốc số tiền được nhận từ Biến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với các hộ gia đình, cá nhân được chi trả hỗ trợ thực hiện thí điểm dồn điền đổi thửa gồm: ông Hà Văn Tân, ông Phạm Đức D, ông Nguyễn Văn L, ông Vì Văn L, ông Vương Minh D, ông Lò Văn T, ông Phạm Văn C, ông Triệu Văn T không biết rõ nguồn gốc số tiền được nhận từ Vì Văn B. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Kiến nghị phòng ngừa tội phạm.

Kiến nghị UBND huyện Đ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn đối với các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giao cho UBND xã làm chủ đầu tư để tránh thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước.

Kiến nghị UBND xã T, huyện Đ cần chấn chỉnh công tác quản lý, giám sát chặt chẽ hơn nữa đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ tránh để xảy ra các vụ việc tương tự.

[10] Về vật chứng: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redme Note 7, màu đen, mã kiểu

M1901F7G; số IMEI 01: 868811041818023; số EMEI 02: 86881104221825; bên trong có gắn 01 (một) SIM điện thoại nhãn hiệu Viettel 4G, số ICCID: 8984048841006664870; 01 (một) SIM điện thoại có nhãn 4G SPEED, số ICCID: 89840200010588204438, tình trạng cũ, đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trả lại cho bị cáo B.

- Đối với số tiền 398.500 đồng tạm giữ của ông Nguyễn Tiến Nh – Trưởng thôn Mỹ Hưng: Quá trình điều tra xác định đây là tiền chênh lệch trong quá trình lập danh sách chi trả của hạng mục san gạt, chỉnh trang đồng ruộng, sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, ông N đã tự nguyện giao nộp, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Quá trình điều tra vụ án, xét thấy một số đồ vật, tài liệu không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra các Quyết định xử lý vật chứng, cụ thể như sau:

+ Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-CSĐT (PC03) ngày 20/9/2022, trả lại cho ông Nguyễn Văn M toàn bộ tài liệu thu giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc và chỗ ở của ông Nguyễn Văn M và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39 (BL 1518-1520);

+ Quyết định xử lý vật chứng số 58/QĐ-CSĐT (PC03) ngày 06/02/2023, trả lại cho bị cáo Vì Văn B toàn bộ tài liệu thu giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc và chỗ ở của bị cáo Vì Văn B; trả lại cho UBND xã T 01 case máy tính để bàn và tài liệu giao nhận với Đảng ủy – HĐND-UBND xã T sau khi Cơ quan điều tra đã sao y đưa vào hồ sơ vụ án (BL 1521-1529);

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, đúng quy định tại điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB-CSĐT(PC03), ngày 05/01/2023 về kê biên tài sản Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đối với Thửa đất số 2052, tờ bản đồ số 336-đ, địa chỉ tại Đội 7 nay là bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, diện tích sử dụng là 1724 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY853771 do UBND huyện Đ cấp ngày 23/7/2015 mang tên Vì Văn B. Do việc tiếp tục thực hiện kê biên tài sản là không cần thiết.

[11] Về án phí:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vì Văn B phạm tội Tham ô tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vì Văn B 07 năm tù về tội Tham ô tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2022. Cấm bị cáo đảm nhiệm các chức vụ trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Vì Văn B phải bồi thường cho Nhà nước số tiền **862.330.000 đồng** (*Tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*). Ghi nhận bị cáo Vì Văn B, gia đình bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nộp đủ số tiền **862.330.000 đồng** (*Tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*), bao gồm: (1) số tiền **796.480.000 đồng** (*Bảy trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*) trong tài khoản tạm gửi số 3949.0.1011953.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên (2) số tiền **65.850.000 đồng** (*Sáu mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) theo Biên lai thu tiền số 0000208, ngày 20/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Hoàn trả số tiền **862.330.000 đồng** (*Tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*) cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để nộp vào ngân sách Nhà nước.

(Theo Ủy nhiệm chi Ký hiệu: C4-02a/NS lập ngày 27/02/2023 và 28/02/2023 Đơn vị trả tiền: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

**** Tịch thu nộp ngân sách nhà nước*** số tiền 398.500 đồng (*Ba trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng*) tạm giữ của ông Nguyễn Tiến Nh.

(Theo Ủy nhiệm chi Ký hiệu: C4-02a/NS lập ngày 27/02/2023 và 28/02/2023 Đơn vị trả tiền: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và đơn vị nhận tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

**** Trả lại cho bị cáo Vì Văn B:*** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redme Note 7, màu đen, mã kiểu M1901F7G; số IMEI 01: 868811041818023; số EMEI 02: 86881104221825; bên trong có gắn 01 sim điện thoại nhãn hiệu Viettet 4 G, số ICCID: 8984048841006664870; 01 sim điện thoại có nhãn 4G SPEED, số ICCID: 898440200010588204438, tình trạng cũ, đã qua sử dụng. được niêm phong theo quy định.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 28 tháng 02 năm 2023).

**** Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản*** số 01/LKB-CSĐT(PC03), ngày 05/01/2023 về kê biên tài sản Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đối với Thửa đất số 2052, tờ bản đồ số 336-đ, địa chỉ tại Đội 7 nay là bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, diện tích sử dụng là 1724 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY853771 do UBND huyện Đ cấp ngày 23/7/2015 mang tên Vì Văn B.

4. Về án phí: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Vì Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Vì Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vì Văn Đ, ông Lò Văn T, ông Lò Văn Đ, ông Cà Văn L, ông Hoàng Quốc Việt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự UBND xã T có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Bích N, ông Vũ Đình X, ông Nguyễn Cầm T, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Tiến Nh, ông Phạm Văn C, ông Lò Văn T, ông Phạm Khắc T, ông Điêu Văn N, ông Quàng Văn M, bà Đặng Hương Gi, ông Lê Anh T, ông Trần Văn Gi có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC03);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ; Nguyên đơn DS;
- Cục THA dân sự tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- UBND xã T;
- Đảng ủy xã T;
- UBND huyện Đ;
- UBKT Huyện ủy huyện Đ;
- Lưu: HS, HCTP.

Nguyễn Thị Hòa